

# CITIES OF THE WORLD

## A CLOSER LOOK 1

|                   |                            |
|-------------------|----------------------------|
| - tasty           | (adj): ngon, đầy hương vị  |
| - dry             | (adj): khô                 |
| - building        | (n): cao ốc                |
| - feel-felt-felt  | (v): cảm thấy              |
| - famous for      | (adj) : nổi tiếng về       |
| - stall           | (n): gian hàng             |
| - street food     | (n): đồ ăn bán ở đường phố |
| - palace          | (n): cung điện             |
| - floating market | (n): chợ nổi               |
| - tower           | (n): tháp                  |
| - crowded         | (adj): đông đúc            |
| - postcard        | (n): bưu thiếp             |
| - snow            | (n): tuyết                 |